

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 373/2025/HC-PT

Ngày 08 tháng 4 năm 2025

V/v Khiếu kiện hành vi hành chính
về quản lý đất đai của Ủy ban nhân
dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân
trong trường hợp không ban hành
Quyết định thu hồi và Quyết định bồi
thường về đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
1023/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện hành vi
hành chính về quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân
trong trường hợp không ban hành Quyết định thu hồi và Quyết định bồi thường
về đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm
2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 389/2025/QĐPT-HC
ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phương Ứng K, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp
Đ, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2023) (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Trụ sở: Ấp Gò Cát, xã Điền Hải, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn K1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Phương Ứng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phương Ứng K là bà Lê Ngọc P trình bày:

Về nguồn gốc đất là của ông bà bên vợ của ông K khai phá trước năm 1975, sau đó cho lại mẹ vợ ông K là bà Dương Thị T1. Đến năm 2001 thì mẹ vợ cho lại vợ chồng ông K, vợ chồng ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/10/2010 tại thửa đất số 166, tờ bản đồ 25, diện tích 5.456,8m².

Vào năm 1980, nhà nước bắt đầu thực hiện dự án đắp đê ngăn mặn đến khi làm lộ nhựa vào năm 2017 thì mẹ vợ ông K và vợ chồng ông K đều không đồng ý hiến đất. Năm 2004 khi nhà nước tiến hành thi công lộ đất đen có họp dân nhưng ông K vẫn không đồng ý. Tại thời điểm này đất của ông K đang nuôi tôm, ngoài ra không có công trình, kiến trúc gì khác. Thời điểm đó có 02 hộ dân là bà Lê Thị B và bà Ngô Kim C cũng bị ảnh hưởng bởi tuyến đường nêu trên nhưng được bồi thường về đất, hoa màu trên đất và các hỗ trợ khác. Thời điểm này ông K có khiếu nại nhưng văn bản viết tay không còn lưu giữ.

Năm 2017, nhà nước làm lộ 3,5m ông K cũng không đồng ý. Tuy nhiên trên tuyến đường từ Đình thần N đến Ủy ban nhân dân xã A có các cây cầu những hộ dân có phần đất gần móng cầu bị thu hồi thì được bồi thường về đất và các hoa màu trên đất.

Ông K có làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ có Quyết định số 4057/QĐ-UBND, ngày 28/10/2022 bác khiếu nại lần đầu của Phương Ứng K và Quyết định số 1212/ QĐ-UBND, ngày 26/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B bác khiếu nại lần hai của ông Phương Ứng K.

Nay ông Phương Ứng K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định thu hồi đất và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định chi trả tiền bồi thường giá trị đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường

từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, người đại diện theo pháp luật là ông Trần Tuấn K1 (chủ tịch) trình bày ý kiến:

Tuyến đường từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A được hình thành từ khoảng năm 1980. Khoảng năm 1980, Nhà nước có chủ trương đắp đê ngăn mặn nhằm phục vụ cho việc sản xuất nông nghiệp của người dân. Hưởng ứng theo chủ trương của Nhà nước, các hộ dân trên tuyến đã hiến đất, sức lao động để đắp đê ngăn mặn từ giáp với thị trấn H đến Ủy ban nhân dân xã A (mặt đê khoảng 6m, chân đê mỗi bên 2m).

Đến khoảng năm 1997, do quá trình sản xuất nông nghiệp, đê ngăn mặn bị xuống cấp, Nhà nước có chủ trương thuê cơ giới bồi đắp lại hiện trạng con đê đã đào trước đây. Tất cả người dân trên tuyến đê thống nhất cao, không ai ngăn cản.

Nhằm phục vụ cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, khoảng năm 2004, H chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã A (chưa chia tách xã) và các ngành chức năng vận động người dân làm đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào, đắp trước đây. Sau khi được người dân thống nhất, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A thực hiện dự án thi công tuyến đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào đắp khoảng năm 1980, mặt đường hoàn chỉnh có chiều rộng là 6,5m.

Khi triển khai thực hiện làm lộ đất đen các hộ dân trên tuyến đều thống nhất, không ai ngăn cản. Tuy nhiên, khi thực hiện công trình đến phần đất của hộ bà Lê Thị B, gia đình bà B không thống nhất, cương quyết ngăn cản và đề nghị thu hồi, bồi thường về đất khi thực hiện làm lộ đất đen. Tại thời điểm này, nhằm phục vụ lợi ích chung và sự đi lại rất khó khăn, bức xúc của nhân dân trong khu vực. Đồng thời, xét thấy chỉ có một hộ duy nhất nên Ủy ban nhân dân huyện mới thực hiện thu hồi, bồi thường phần đất của bà Lê Thị B. Diện tích thu hồi đất của bà Lê Thị B 12.240m², mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản. Ngoài trường hợp của hộ bà Lê Thị B thì không còn trường hợp nào tương tự.

Đến khi thành lập bản đồ địa chính chính quy (2006) xác lập đường đất do Nhà nước quản lý. Từ khi hình thành đê ngăn mặn đến trước khi thực hiện dự án lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A không hộ dân nào yêu cầu, khiếu nại đối với tuyến lộ này.

Đến năm 2008, do nhu cầu bức xúc trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân trên tuyến, H đã đầu tư tuyến lộ nhựa chiều rộng mặt đường nhựa 1,5m trên phần đường đất đen 6,5m. Các hộ dân trên toàn tuyến thống nhất, không ai ngăn cản. Dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến Ủy ban nhân dân xã A triển khai thực hiện năm 2017, mặt đường nhựa 3,5m, lề mỗi bên 01m trong phạm vi đường đất đen 6,5m người dân đã thống nhất cho Nhà nước

thực hiện vào năm 2004. Do đó, việc thi công công trình không ảnh hưởng đến nhà và đất của người dân. Ủy ban nhân dân tỉnh B thống nhất với chủ trương không bồi thường về đất khi thi công gói thầu số 3 thuộc Dự án xây dựng đường về trung tâm xã A (Công văn số 1486/UBND-KT ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Từ các nội dung trên, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân huyện Đ đề nghị Tòa án xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phương Ứng K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày ý kiến: Đề nghị Tòa án xét xử theo đúng quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phương Ứng K yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất và Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định bồi thường giá trị đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 28/5/2024, người khởi kiện ông Phương Ứng K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Hồ sơ vụ án không có tài liệu thể hiện việc người dân hiến đất đắp đê ngăn mặn. Người bị kiện cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định tại chỗ, không thu thập bản đồ địa chính chính quy, bản đồ 299 có như trình bày của người bị kiện hay không để làm rõ vụ án; không thu thập chứng cứ về việc ủy ban bồi thường cho bà Lê Thị B hay không, mà chỉ căn cứ vào trình bày của người bị kiện để giải quyết vụ án là không toàn diện. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Theo người bị kiện xác định: Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ tiến hành thực hiện dự án xây dựng và mở rộng tuyến lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A trong phạm vi nền lộ cũ đất đen được làm năm 2004 (trong phạm vi tuyến đê hình thành từ năm 1978) thuộc phạm vi Nhà nước quản lý, không mở rộng vào đất người dân nên không ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường đất.

Trong khi đó, người khởi kiện xác định: Khi Ủy ban nhân dân huyện Đ làm con lộ đất đen vào năm 2004 ảnh hưởng đến phần đất của người khởi kiện nhưng không có Quyết định thu hồi đất và bồi thường về đất, từ trước đến nay ông K không đồng ý hiến đất như Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày, có yêu cầu bồi thường về đất nhưng không được giải quyết. Trong khi cũng trên tuyến đường đắp lộ đất đen thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị B với diện tích đất thu hồi của bà B là 12.240m² và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà B với tổng số tiền là 143.926.000 đồng (thu hồi hết đất của bà B) nhưng không xem xét bồi thường cho người khởi kiện là không thỏa đáng. Đến năm 2008, Nhà nước tiếp tục làm lộ nhựa có chiều ngang 1,5m trên lộ đất đen. Năm 2017, tiếp tục làm lộ nhựa ngang mặt đường 3,5m, lề mỗi bên 01m. Ông K xác định, những lần làm lộ ông đều không đồng ý vì Nhà nước không bồi thường, có khiếu nại nhưng không được giải quyết.

[2.3] Xét thấy, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 09/9/2022 của Ủy ban nhân dân xã A và Báo cáo số 01/BC-TXMKKN ngày 10/10/2022 của Tổ xác minh khiếu nại 746 (thành lập theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ). Phần đất hiện có liên quan đến khiếu kiện của ông Phương Ứng K có nguồn gốc hình thành từ con đê được đào đắp vào năm 1978. Thời điểm này, người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, vì để đảm bảo phục vụ tưới tiêu, ngăn mặn và sử dụng đi lại nên người dân khu vực này cùng tiến hành đào đắp hình thành con đê có vị trí song song với Kênh xáng Bạc Liêu – Cà Mau thuộc địa phận từ ấp T, ấp T, xã A đến ấp T xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Đến khoảng năm 1980, để ngăn nước mặn từ Kênh X Bạc Liêu - Cà Mau cũng làm nơi lưu trữ

nước tưới tiêu thì Nhà nước có chủ trương cùng với người dân tiến hành đào đắp đất, hình thành con đê chạy dài từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A, vị trí song song với Kênh X - Cà Mau (mặt đê khoảng 6m, chân đê mỗi bên 2m).

Đến khoảng năm 1997, do quá trình sản xuất nông nghiệp, đê ngăn mặn bị xuống cấp, Nhà nước có chủ trương thuê cơ giới bồi đắp lại hiện trạng con đê đã đào trước đây. Nhằm phục vụ cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa của người dân, khoảng năm 2004, Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện dự án thi công tuyến đường đất đen cấp con đê, mặt đường hoàn chỉnh có chiều rộng là 5,5 - 6,5m. Từ khi hình thành đê ngăn mặn đến trước khi thực hiện dự án lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A không hộ dân nào yêu cầu, khiếu nại đối với tuyến lộ này. Đến năm 2008, do nhu cầu trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân trên tuyến, H đã đầu tư tuyến lộ nhựa chiều rộng mặt đường nhựa 1,5m trên phần đường đất đen 6,5m. Các hộ dân trên toàn tuyến thống nhất, không ai ngăn cản. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ thi công mở rộng lộ 3,5m trên tuyến đường từ Đình thần N thuộc xã A A đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ. Khi thi công công trình lộ mới vào năm 2017 có chiều ngang mặt lộ 3,5m, lề lộ mỗi bên 01 mét, con lộ hiện nay nằm trong phạm vi lộ đất đen 6,5m.

Quá trình thực hiện việc đắp đê ngăn mặn vào năm 1978 cũng như làm đường đất đen trên hiện trạng con đê đã đào, đắp trước đây vào năm 2004, các hộ dân trên tuyến (trong đó có ông K) đã hiến đất, sức lao động mà không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì. Người khởi kiện cho rằng khi đắp đê và làm con lộ đen nêu trên, ông K không hiến đất mà có khiếu nại yêu cầu bồi thường mà không được giải quyết cũng như trên tuyến đường đắp lộ đất đen thì Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Lê Thị B với diện tích đất thu hồi của bà B là 12.240m² và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà B với tổng số tiền là 143.926.000 đồng, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình.

Mặt khác, thời điểm trước năm 2008, Nhà nước đã quản lý tuyến đường này thể hiện trên Bản đồ 299, theo đó trên bản đồ có thể hiện tuyến đê từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Ủy ban nhân dân xã A song song với Kênh X Bạc Liêu - Cà Mau đã hình thành. Hiện nay, tại Bản đồ chính quy được lập vào năm 2005 (Theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 27/7/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc phê duyệt dự án lập lưới địa chính, đo vẽ bản đồ địa chính và lập hồ sơ địa chính của hai thị trấn và huyện Đ) thể hiện có thể hiện con lộ đất đen hình thành năm 2004 và Nhà nước không công nhận quyền sử dụng đất trên toàn bộ tuyến lộ cho bất cứ cá nhân, tổ chức nào. Đồng thời, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các hộ dân từ thời điểm năm 2005, nhà nước chỉ công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân ngoài phạm vi tuyến lộ nhưng không ai có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận này. Tức sau khi hoàn

thành việc làm lộ đất đen vào năm 2004, Nhà nước đã quản lý tuyến đường này đến nay.

Như vậy, có cơ sở xác định trình bày của người bị kiện là có căn cứ. Đến năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Đ tiếp tục thi công, xây dựng tuyến đường lộ nhựa từ Đình thần Nguyễn Trung T2 đến Trụ sở Ủy ban nhân dân xã A (có bề rộng 3,5m, lề mỗi bên 01m, tổng là 5,5m) nằm hoàn toàn trong phạm vi 6,5m lộ đất đen mà người dân đã thống nhất cho Nhà nước xây dựng vào năm 2004 cũng như quá trình thực hiện dự án, Nhà nước dựa trên mặt đường lộ cũ (trong phạm vi, diện tích đất của tuyến đê có từ năm 1978). Vì vậy, việc thi công không ảnh hưởng đến nhà, đất của các hộ dân. Do đó, nhà nước không thu hồi, bồi thường đất đối với các hộ dân là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông K là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phương Ứng K là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Phương Ứng K. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phương Ứng K yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất và Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định bồi thường giá trị đất khi thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ Đình thần N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phương Ứng K phải chịu 300.000 đồng. Ông K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (do bà Lê Ngọc P nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000064 ngày 26/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phương Ứng K được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy